

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 13 - 43 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (trước đây là Công ty Cổ phần Đạt Phương) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000857 ngày 12 tháng 3 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 22 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật, trong đó thay đổi lần thứ 22 số 0101218757 ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc thay đổi tên Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Handico, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 37830856
- Fax : 024 37830859

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---------------------|--------------------|---------------------------------------|
| Ông Lương Minh Tuấn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021 |
| Ông Phạm Kim Châu | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Trần Anh Tuấn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Đặng Hoàng Huy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Đỗ Xuân Diện | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021 |
| Bà Lê Thị Thu Trang | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021 |

Ủy ban Kiểm toán

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|-----------------|--------------------------|
| Ông Đỗ Xuân Diện | Chủ tịch UBKT | Ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Đặng Hoàng Huy | Thành viên UBKT | Ngày 28 tháng 4 năm 2023 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Điều hành, quản lý

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Ông Trần Anh Tuấn | Tổng Giám đốc | Ngày 26 tháng 9 năm 2019 |
| Ông Phạm Kim Châu | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 10 tháng 8 năm 2004 |
| Ông Ngô Đức Tình | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 27 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Hoàng Gia Chiêu | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 20 tháng 9 năm 2019 |
| Ông Phạm Quang Bình | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 04 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Đinh Gia Nội | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 04 tháng 4 năm 2022 |
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Doan | Giám đốc kinh doanh BĐS | Ngày 02 tháng 4 năm 2021 |
| Bà Lê Thị Minh Loan | Giám đốc tài chính | Ngày 20 tháng 7 năm 2021 |
| Bà Đỗ Thị Thu | Kế toán trưởng | Ngày 20 tháng 7 năm 2021 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Anh Tuấn – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn

Ngày 22 tháng 8 năm 2024

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



A & C

www.a-c.com.vn

Số: 1.1300 /24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 22 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương và các Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Trần Kim Anh - Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 3.186.935.070.775 | 3.768.010.308.814 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 813.703.141.186 | 1.432.080.508.529 |
| 1. Tiền | 111 | | 312.426.141.186 | 608.980.508.529 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 501.277.000.000 | 823.100.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 71.741.661.600 | 219.657.661.600 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 205.442.500 | 205.442.500 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 71.536.219.100 | 219.452.219.100 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 930.728.430.091 | 875.028.831.703 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 485.614.180.007 | 488.831.582.892 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 362.545.251.600 | 328.760.486.597 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 1.300.000.000 | 1.300.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6 | 81.268.998.484 | 56.136.762.214 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.258.054.904.604 | 1.144.725.258.346 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 1.258.054.904.604 | 1.144.725.258.346 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 112.706.933.294 | 96.518.048.636 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 4.893.808.877 | 3.134.581.098 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 79.271.349.728 | 63.692.333.458 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | 28.541.774.689 | 29.691.134.080 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 2.958.070.834.439 | 2.921.440.612.911 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 35.045.000.000 | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.5 | 35.000.000.000 | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 45.000.000 | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 2.269.671.554.168 | 2.323.540.261.295 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 2.263.517.526.667 | 2.317.613.350.837 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 3.359.559.809.096 | 3.341.154.207.911 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (1.096.042.282.429) | (1.023.540.857.074) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 6.154.027.501 | 5.926.910.458 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 7.316.988.469 | 6.906.254.952 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (1.162.960.968) | (979.344.494) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 486.978.010.883 | 437.264.697.497 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 486.978.010.883 | 437.264.697.497 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 13.049.000.000 | 13.049.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 759.000.000 | 759.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2b | 12.290.000.000 | 12.290.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 153.327.269.388 | 147.586.654.119 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 108.489.290.840 | 102.926.797.142 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.12 | 44.837.978.548 | 44.659.856.977 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 6.145.005.905.214 | 6.689.450.921.725 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 3.661.281.205.176 | 4.339.585.049.395 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 2.236.184.513.849 | 2.879.750.939.103 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 284.892.241.411 | 379.608.587.559 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 954.686.887.712 | 1.266.790.586.097 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 26.148.874.169 | 44.790.550.987 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 15.371.335.427 | 44.628.074.918 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16a | 44.681.510.981 | 13.875.667.608 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 527.247.500 | 360.909.999 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 74.769.619.171 | 30.915.072.964 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 812.840.081.276 | 1.080.139.937.180 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 22.266.716.202 | 18.641.551.791 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.425.096.691.327 | 1.459.834.110.292 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | V.16b | 506.867.427 | 506.867.427 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 451.137.498 | 451.137.498 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 1.423.454.596.661 | 1.458.192.015.626 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | 684.089.741 | 684.089.741 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 2.483.724.700.038 | 2.349.865.872.330 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.20 | 2.483.724.700.038 | 2.349.865.872.330 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 629.995.540.000 | 629.995.540.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 629.995.540.000 | 629.995.540.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 17.732.079.678 | (19.423.475.878) |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 46.985.564.994 | 46.985.564.994 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 1.153.922.874.441 | 1.152.528.151.883 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 1.047.703.338.747 | 1.152.528.151.883 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 106.219.535.694 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 635.088.640.925 | 539.780.091.331 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 6.145.005.905.214 | 6.689.450.921.725 |

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Thị Hà

Đỗ Thị Thu

Trần Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|--|------------------------|
| | | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.386.007.721.207 | 1.159.245.273.109 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.386.007.721.207 | 1.159.245.273.109 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 1.132.684.119.792 | 887.763.981.112 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 253.323.601.415 | 271.481.291.997 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 10.080.136.904 | 18.364.346.973 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 56.455.343.690 | 100.380.432.857 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 56.151.234.993 | 100.116.872.597 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 1.085.457.896 | 9.459.456.542 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 42.476.004.999 | 36.042.075.030 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 163.386.931.734 | 143.963.674.541 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 3.049.846.356 | 159.899.926 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 1.605.319.970 | 645.882.392 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.444.526.386 | (485.982.466) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 164.831.458.120 | 143.477.692.075 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.15 | 14.890.752.602 | 6.822.727.354 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.12 | (178.121.571) | (522.374.598) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>150.118.827.089</u> | <u>137.177.339.319</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>106.219.535.694</u> | <u>87.432.925.288</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | <u>43.899.291.395</u> | <u>49.744.414.031</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9a | <u>1.686</u> | <u>1.388</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9a | <u>1.686</u> | <u>1.388</u> |

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Thị Hà

Đỗ Thị Thu

Trần Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 164.831.458.120 | 143.477.692.075 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9,10 | 72.146.081.818 | 70.794.107.815 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (9.802.727.570) | (17.889.645.892) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 56.151.234.993 | 100.116.872.597 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 283.326.047.361 | 296.499.026.595 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (71.412.121.295) | (195.924.457.581) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (112.724.769.578) | (90.958.454.872) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (406.308.585.916) | (122.987.327.031) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (7.321.721.477) | (9.154.342.299) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (60.798.004.740) | (103.967.429.349) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.15 | (27.645.626.501) | (27.459.424.256) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 1.726.541.801 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.19 | (2.771.080.970) | (5.814.202.204) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (403.929.321.315) | (259.766.610.997) |
| II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (68.642.648.088) | (72.021.594.687) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 48.000.000 | 146.127.946 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (35.000.000.000) | (151.546.600.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 147.916.000.000 | 106.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 11.039.676.929 | 18.792.172.511 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 55.361.028.841 | (98.629.894.230) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 81.000.000.000 | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.16 | 564.118.691.504 | 757.385.117.331 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.16 | (866.155.966.373) | (831.821.633.579) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (48.771.800.000) | (65.026.800.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (269.809.074.869) | (139.463.316.248) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (618.377.367.343) | (497.859.821.475) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 1.432.080.508.529 | 1.171.279.077.469 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 813.703.141.186 | 673.419.255.994 |

Người lập biểu

Lê Thị Hà

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi; đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV; thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng; kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng. Riêng các Dự án bất động sản thường có chu kỳ trên 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 08 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|--|---|---|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 1 | Tầng 12A, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi | 70,00% | 70,00% | 70,00% | 70,00% |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 2 | Tầng 4, tòa nhà BSI Tower, 193-195-197 đường Nguyễn Thị Nhung, KĐT Vạn phúc, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi | 70,00% | 70,00% | 70,00% | 70,00% |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sông Bung | Thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam | Sản xuất và kinh doanh điện năng | 61,32% | 61,32% | 61,32% | 61,32% |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà | Thôn Mang Trẩy, xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi | Sản xuất và kinh doanh điện năng | 68,30% | 68,30% | 68,30% | 68,30% |
| Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An | Số nhà SH1,2 khu đô thị Casamia, thôn Võng Nhi, xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam | Kinh doanh bất động sản | 88,89% | 88,89% | 88,89% | 88,89% |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---------------------------------|---|---|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Thực phẩm Bee | Tầng 4, tòa nhà BSI Tower, 193-195-197 đường Nguyễn Thị Nhung, KĐT Vạn phúc, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Sản xuất và kinh doanh điện mặt trời áp mái | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Fukunana | Tầng 4, tòa nhà BSI Tower, 193-195-197 đường Nguyễn Thị Nhung, KĐT Vạn phúc, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Sản xuất và kinh doanh điện mặt trời áp mái | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Kính Đạt Phương | CM 4-06, Camellia Khu đô thị An Vân Dương, phường Thủy Vân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam | Sản xuất kính hoa siêu trắng | 73,00% | - | 73,00% | - |

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 763 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 712 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Doanh thu phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trong đó: $\text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ} = \text{Khối lượng dở dang cuối kỳ theo kiểm kê} \times \text{Đơn giá hợp đồng ký với CĐT}$

Giá xuất kho của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 30 |
| Máy móc và thiết bị | 3 – 8 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 7 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 8 |
| Tài sản cố định khác | 3 – 4 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và của phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận khi người mua xác nhận sản lượng điện tiêu thụ, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt | 2.430.458.676 | 1.485.563.293 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 309.995.682.510 | 607.494.945.236 |
| Các khoản tương đương tiền (<i>Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>) | 501.277.000.000 | 823.100.000.000 |
| Cộng | 813.703.141.186 | 1.432.080.508.529 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

Tập đoàn nắm giữ 16.450 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, giá gốc là 205.442.500 VND, giá trị hợp lý tại ngày 30/6/2024 là 711.462.500 VND, tại ngày 31/12/2023 là 713.930.000 VND.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 71.536.219.100 | 71.536.219.100 | 219.452.219.100 | 219.452.219.100 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 71.536.219.100 | 71.536.219.100 | 219.452.219.100 | 219.452.219.100 |
| Dài hạn | 12.290.000.000 | 12.290.000.000 | 12.290.000.000 | 12.290.000.000 |
| Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾ | 12.290.000.000 | 12.290.000.000 | 12.290.000.000 | 12.290.000.000 |
| Cộng | 83.826.219.100 | 83.826.219.100 | 231.742.219.100 | 231.742.219.100 |

(i) Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm:

- 100 trái phiếu phát hành ngày 14/12/2017, tổng mệnh giá 300.000.000 VND. Kỳ hạn trái phiếu là 10 năm với lãi suất có điều chỉnh định kỳ và xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,2%/ năm. Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ.

- 200 trái phiếu phát hành ngày 27 tháng 9 năm 2019, tổng mệnh giá 2.000.000.000 VND. Thời hạn trái phiếu là 07 năm, lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam của 04 ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất +1,2% và được thanh toán 01 năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- 100.000 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành ngày 20/7/2023, tổng mệnh giá 10.000.000.000 VND. Kỳ hạn trái phiếu là 10 năm với lãi suất có điều chỉnh định kỳ và xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,3%/ năm, lãi trái phiếu được thanh toán một năm một lần.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai có giá trị ghi sổ bằng giá gốc là 759.000.000 VND, tương ứng với 75.900 cổ phiếu (0,12% vốn điều lệ) (không thay đổi so với số đầu năm).

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh | 49.725.145.914 | 49.725.145.914 |
| Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam ⁽ⁱ⁾ | 29.822.728.887 | 33.800.845.654 |
| Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế, công nghiệp | - | 57.796.498.000 |
| Ban quản lý dự án 7 | 43.484.493.961 | 42.681.309.000 |
| Kumho Engineering and Construction Co.,Ltd | 41.749.450.812 | 49.209.099.462 |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Trung | 88.766.838.683 | 88.019.509.181 |
| Các khách hàng mua bất động sản | 12.716.902.678 | 12.716.902.678 |
| Các khách hàng khác | 219.348.619.072 | 154.882.273.003 |
| Cộng | <u>485.614.180.007</u> | <u>488.831.582.892</u> |

⁽ⁱ⁾ Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại, sẽ được hoàn trả bằng quỹ đất theo hình thức đổi đất lấy cơ sở hạ tầng. Quỹ đất được hoàn trả gồm Khu đô thị Đồng Nà (Bến Trẽ), thành phố Hội An: 6ha; Khu đô thị Võng Nhi, thành phố Hội An: 15ha; Khu đô thị Cồn Tiên, thành phố Hội An: 30ha; Khu đô thị Nồi Rang, huyện Duy Xuyên: 25ha. Năm 2018, đã hoàn trả và làm thủ tục đối trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Võng Nhi. Năm 2019, đã hoàn trả và làm thủ tục đối trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Đồng Nà và Khu đô thị Nồi Rang. Năm 2024, đã điều chỉnh tăng chi phí đầu tư khu đô thị Đồng Nà theo Biên bản chuyển giao chi phí đầu tư điều chỉnh ngày 04/4/2024.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Đông Sơn | 75.888.929.482 | 75.635.811.827 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Nam Việt JSC | 86.231.444.462 | 140.810.729.939 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Khảo sát công trình Thanh Tuấn | 55.485.099.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 144.939.778.656 | 112.313.944.831 |
| Cộng | <u>362.545.251.600</u> | <u>328.760.486.597</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| <i>Ngắn hạn</i> | | |
| Cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa vay với lãi suất 10%/năm | 1.300.000.000 | 1.300.000.000 |
| <i>Dài hạn</i> | | |
| Cho ông Phan Ngọc Long - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy Thủy điện Sơn Trà vay dài hạn 2 năm | 35.000.000.000 | - |
| Cộng | <u>36.300.000.000</u> | <u>1.300.000.000</u> |

6. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Tạm ứng | 76.337.633.693 | - | 51.767.315.985 | - |
| Dự thu lãi cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm | 614.210.957 | - | 1.852.076.985 | - |
| Tạm ứng kinh phí giải phóng mặt bằng | 1.522.540.280 | - | 945.540.280 | - |
| Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược | 260.820.000 | - | 160.820.000 | - |
| Thuế TNDN và thuế GTGT tạm tính của hoạt động chuyển nhượng Bất động sản | - | - | 241.522.228 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 2.533.793.554 | - | 1.169.486.736 | - |
| Cộng | <u>81.268.998.484</u> | <u>-</u> | <u>56.136.762.214</u> | <u>-</u> |

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|---------------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Nguyên liệu, vật liệu | 116.108.024 | - | 135.965.570 | - |
| Nguyên vật liệu, công cụ, hàng hóa phục vụ nhà hàng | 733.625.731 | - | 724.935.701 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.243.600.523 | - | 1.142.607.771 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang xây lắp | 314.181.470.304 | - | 202.414.761.349 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bất động sản | 886.769.929.084 | - | 887.130.071.239 | - |
| Thành phẩm bất động sản | 54.926.039.367 | - | 53.176.916.716 | - |
| Hàng hóa | 84.131.571 | - | - | - |
| Cộng | <u>1.258.054.904.604</u> | <u>-</u> | <u>1.144.725.258.346</u> | <u>-</u> |

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang thuộc Dự án Khu đô thị dịch vụ Cồn Tiến với giá trị cuối năm là 769.436.749.892 VND (số đầu năm là 769.326.099.302 VND) tại Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An (Công ty con) đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho các hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 2.543.294.246 | 1.662.999.666 |
| Chi phí bảo hiểm | 1.730.843.786 | 578.581.600 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 619.670.845 | 892.999.832 |
| Cộng | <u>4.893.808.877</u> | <u>3.134.581.098</u> |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 58.097.900.220 | 51.366.999.558 |
| Chi phí sửa chữa | 6.049.657.368 | 10.725.187.092 |
| Tiền thuê đất | 2.816.666.667 | - |
| Chi phí hoa hồng, môi giới bất động sản | 32.767.362.591 | 29.562.346.160 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 8.757.703.994 | 11.272.264.332 |
| Cộng | <u>108.489.290.840</u> | <u>102.926.797.142</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.996.667.215.495 | 1.252.674.078.380 | 83.292.349.090 | 1.521.656.264 | 6.998.908.682 | 3.341.154.207.911 |
| Mua trong kỳ | - | 14.790.719.919 | 2.506.664.800 | 32.000.000 | - | 17.329.384.719 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 125.218.982 | 3.666.327.901 | - | - | - | 3.791.546.883 |
| Giảm khác do phê duyệt lại giá | (2.602.330.417) | - | - | - | - | (2.602.330.417) |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (113.000.000) | - | - | - | (113.000.000) |
| Số cuối kỳ | 1.994.190.104.060 | 1.271.018.126.200 | 85.799.013.890 | 1.553.656.264 | 6.998.908.682 | 3.359.559.809.096 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 478.825.050 | 182.771.509.250 | 35.952.481.739 | 464.053.538 | 2.919.340.364 | 222.586.209.941 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 425.821.948.914 | 529.800.325.334 | 62.095.897.983 | 987.209.931 | 4.835.474.912 | 1.023.540.857.074 |
| Khấu hao trong kỳ | 34.316.575.360 | 34.635.424.134 | 2.759.193.882 | 421.567.527 | 434.581.121 | 72.567.342.024 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (65.916.669) | - | - | - | (65.916.669) |
| Số cuối kỳ | 460.138.524.274 | 564.369.832.799 | 64.855.091.865 | 1.408.777.458 | 5.270.056.033 | 1.096.042.282.429 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.570.845.266.581 | 722.873.753.046 | 21.196.451.107 | 534.446.333 | 2.163.433.770 | 2.317.613.350.837 |
| Số cuối kỳ | 1.534.051.579.786 | 706.648.293.401 | 20.943.922.025 | 144.878.806 | 1.728.852.649 | 2.263.517.526.667 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.810.418.821.237 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Nhãn hiệu tên thương mại (*) | Chương trình phần mềm | Cộng |
|---------------------------------------|----------------------|------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 4.341.121.452 | 1.281.096.000 | 1.284.037.500 | 6.906.254.952 |
| Quyết toán lại giá trị | 410.733.517 | - | - | 410.733.517 |
| Số cuối kỳ | 4.751.854.969 | 1.281.096.000 | 1.284.037.500 | 7.316.988.469 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | 280.000.000 | 280.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | - | 448.383.600 | 530.960.894 | 979.344.494 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 128.109.600 | 55.506.874 | 183.616.474 |
| Số cuối kỳ | - | 576.493.200 | 586.467.768 | 1.162.960.968 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 4.341.121.452 | 832.712.400 | 753.076.606 | 5.926.910.458 |
| Số cuối kỳ | 4.751.854.969 | 704.602.800 | 697.569.732 | 6.154.027.501 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

(*) Là giá trị nhận diện thương hiệu Tập đoàn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ |
|--|------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Mua sắm tài sản cố định</i> | 2.112.441.527 | 1.854.886.374 | (3.666.327.901) | - | 301.000.000 |
| <i>Xây dựng cơ bản dở dang</i> | 435.152.255.970 | 60.591.994.176 | (125.218.982) | (8.942.020.281) | 486.677.010.883 |
| Dự án Khu đô thị dịch vụ Đồng Nà | 83.136.566.184 | 5.731.859.783 | - | (2.269.049.594) | 86.599.376.373 |
| Dự án Khu đô thị Võng Nhi | 201.590.063.730 | 21.790.042.880 | - | (6.672.970.687) | 216.707.135.923 |
| Dự án Khu đô thị Côn Tiến | 148.455.174.080 | 29.756.717.253 | - | - | 178.211.891.333 |
| Dự án Nhà máy sản xuất Kính Đạt Phương | - | 1.825.152.371 | - | - | 1.825.152.371 |
| Các Dự án khác | 1.970.451.976 | 1.488.221.889 | (125.218.982) | - | 3.333.454.883 |
| Cộng | 437.264.697.497 | 62.446.880.550 | (3.791.546.883) | (8.942.020.281) | 486.978.010.883 |

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ này (tại Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An) là 22.949.152.981 VND.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tập đoàn liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 44.659.856.977 | 42.274.644.165 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 178.121.571 | 522.374.598 |
| Số cuối kỳ | 44.837.978.548 | 42.797.018.763 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần 479 Hòa Bình | 17.310.673.308 | 10.232.566.431 |
| Công ty TNHH Xây dựng Phú Vinh | 11.838.803.488 | 6.761.512.473 |
| Công ty Cổ phần Núi Hồng | 8.126.768.722 | 19.951.375.722 |
| Các nhà cung cấp khác | 247.615.995.893 | 342.663.132.933 |
| Cộng | 284.892.241.411 | 379.608.587.559 |

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|--------------------------|
| Ban quản lý dự án 6 | 94.200.000.000 | 94.200.000.000 |
| Ban Quản lý Dự án Thành phần 2 | 191.264.603.000 | 230.699.111.000 |
| Ban Quản lý các Dự án Đường thủy | 154.554.439.727 | 183.616.066.837 |
| Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định | 321.025.855.000 | 507.626.977.000 |
| Các khách hàng khác | 193.641.989.985 | 250.648.431.260 |
| Cộng | 954.686.887.712 | 1.266.790.586.097 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> | | <u>Số cuối kỳ</u> | |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 6.311.806.899 | 29.536.134.080 | 32.852.400.225 | (34.598.605.250) | 3.115.588.179 | 28.086.120.385 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 53.351.400 | (53.351.400) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 26.516.725.723 | 155.000.000 | 14.890.752.602 | (27.645.626.501) | 13.761.851.824 | 155.000.000 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản | - | - | (241.522.217) | - | - | 241.522.217 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.355.090.437 | - | 7.555.624.010 | (9.299.990.692) | 669.855.842 | 59.132.087 |
| Thuế tài nguyên | 6.630.466.569 | - | 18.355.874.666 | (20.049.172.606) | 4.937.168.629 | - |
| Thuế nhà đất | - | - | 66.111.276 | (66.111.276) | - | - |
| Phí dịch vụ môi trường rừng | 2.963.015.964 | - | 5.526.014.760 | (6.975.625.104) | 1.513.405.620 | - |
| Tiền cấp quyền khai thác nước mặt | - | - | 3.857.631.500 | (2.322.045.500) | 1.535.586.000 | - |
| Thuế bảo vệ môi trường | 8.878.575 | - | - | (8.878.575) | - | - |
| Thuế nhà thầu | - | - | 16.033.407 | (16.033.407) | - | - |
| Lệ phí môn bài | - | - | 27.000.000 | (27.000.000) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 4.566.820 | - | 4.247.923.666 | (3.637.072.411) | 615.418.075 | - |
| Cộng | 44.790.550.987 | 29.691.134.080 | 87.207.195.295 | (104.699.512.722) | 26.148.874.169 | 28.541.774.689 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%, riêng hoạt động thủy điện thuế suất 10%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty mẹ phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác cát và đá với mức thuế suất lần lượt 15% và 10%.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sông Bung và Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà (Công ty con) phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 5%.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sông Bung và Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà (Công ty con) phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kWh.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả

16a. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Dự trả chi phí lãi vay | 1.169.748.849 | 2.134.326.815 |
| Dự trả lãi trái phiếu | - | 3.682.191.781 |
| Chi phí lãi vay hỗ trợ khách hàng mua bất động sản | 649.804.278 | 2.987.915.682 |
| Trích trước chi phí công trình | 42.720.398.654 | - |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 141.559.200 | 5.071.233.330 |
| Cộng | <u>44.681.510.981</u> | <u>13.875.667.608</u> |

16b. Chi phí phải trả dài hạn

Là chi phí lãi vay hỗ trợ khách hàng mua bất động sản.

17. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 2.193.441.333 | 2.158.896.233 |
| Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp | 1.301.757.031 | 1.856.000 |
| Thuế TNCN phải trả lại người lao động | 3.390.954.382 | 3.515.052.657 |
| Cổ tức phải trả | 62.999.554.000 | 20.907.600.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 4.883.912.425 | 4.331.668.074 |
| Cộng | <u>74.769.619.171</u> | <u>30.915.072.964</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|---------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | <i>728.162.076.690</i> | <i>795.637.249.660</i> |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾ | 234.843.583.368 | 379.302.395.587 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾ | 377.853.455.942 | 340.483.988.385 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 115.465.037.380 | 75.850.865.688 |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i> | <i>84.678.004.586</i> | <i>84.502.687.520</i> |
| <i>Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i> | - | <i>200.000.000.000</i> |
| Cộng | <u>812.840.081.276</u> | <u>1.080.139.937.180</u> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với hạn mức tín dụng 750.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài sản của các cá nhân là bên liên quan với Công ty có ký hợp đồng cho mượn tài sản để cầm cố (Xem thuyết minh VII.1).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long tại Công ty mẹ và 02 công ty con với tổng hạn mức tín dụng 700.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long tại Công ty mẹ với tổng hạn mức tín dụng là 300.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 03 đến 12 tháng.
- (iv) Trái phiếu không chuyển đổi và có đảm bảo kỳ hạn 03 năm, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 10,5% trong năm đầu tiên kể từ ngày phát hành (ngày 28 tháng 10 năm 2021), từ năm thứ 2 lãi suất sẽ tính bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Việt Nam Đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau áp dụng với khách hàng cá nhân của 4 Ngân hàng (gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam) cộng biên độ 3,5%/năm (trong mọi trường hợp lãi suất không thấp hơn 10,5%/năm) và được thanh toán định kỳ mỗi 6 tháng. Tài sản đảm bảo là 19.000.000 cổ phiếu đang lưu hành và tự do chuyển nhượng của Công ty thuộc sở hữu của Ban lãnh đạo Công ty có giá trị luôn ít nhất bằng 200% tổng giá trị Trái phiếu phát hành. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 300.000.000.000 VND. Toàn bộ số tiền thu được sau khi phát hành được cung cấp cho Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An (Công ty con) để thực hiện Dự án Khu đô thị Cồn Tiên, xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Các chi phí phát hành trái phiếu, lãi trái phiếu phát sinh do Công ty con chi trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Vay ngân hàng | Vay dài hạn đến hạn trả | Trái phiếu thường | Cộng |
|------------------------------------|------------------------|----------------------------|----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 795.637.249.660 | 84.502.687.520 | 200.000.000.000 | 1.080.139.937.180 |
| Số tiền vay phát sinh trong kỳ | 546.253.577.523 | - | - | 546.253.577.523 |
| Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | - | 52.330.132.454 | - | 52.330.132.454 |
| Số tiền vay đã trả trong kỳ | (613.728.750.493) | (52.154.815.388) | (200.000.000.000) | (865.883.565.881) |
| Số cuối kỳ | <u>728.162.076.690</u> | <u>84.678.004.586</u> | <u>-</u> | <u>812.840.081.276</u> |

18b. Vay dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 1.423.454.596.661 | 1.458.192.015.626 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾ | 1.043.978.610.000 | 1.089.455.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾ | 265.170.429.904 | 265.170.429.904 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 108.658.026.520 | 95.622.912.539 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quận 5 ^(iv) | 5.647.530.237 | 7.943.673.183 |
| Cộng | 1.423.454.596.661 | 1.458.192.015.626 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay dài hạn TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà (công ty con) theo các hợp đồng tín dụng ngày 22/11/2023 và ngày 11/12/2023 để trả nợ trước hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12 TP HCM các khoản vay cho dự án thủy điện Sơn Trà. Tổng hạn mức cho vay của các hợp đồng là 1.151.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa đến hết ngày 22/01/2035, lãi suất vay cố định 6,4% trong năm đầu tiên và thay đổi trong các năm tiếp theo thông báo của ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty con.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long tại Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An (Công ty con) theo Hợp đồng tín dụng năm 2021 để thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án KĐT Dịch vụ Cồn Tiên, thời hạn vay 60 tháng từ ngày giải ngân khoản đầu tiên, hạn mức cho vay là 1.675.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần nhận nợ và được điều chỉnh lãi suất 1 tháng 1 lần. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc KĐT dịch vụ Cồn Tiên.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long tại Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An (Công ty con) theo Hợp đồng tín dụng năm 2022 để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án Khách sạn Casamia Hội An (nằm trong Dự án Khu đô thị Vĩng Nhi), thời hạn vay tối đa 156 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 03/01/2023), hạn mức cho vay là 290.000.000.000 VND. Lãi suất cố định 8,5%/năm trong vòng 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (đối với các khoản giải ngân đến hết ngày 31/3/2023), các khoản giải ngân sau 01/4/2023 chịu lãi suất cơ sở + margin. Thời gian ân hạn tối đa 03 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên nhưng không quá 6 tháng kể từ khi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

có nguồn thu từ Dự án. Tài sản đảm bảo là một số quyền sử dụng đất của Dự án Casamia Hội An; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc Dự án Khách sạn Casamia Hội An.

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Quận 5 theo các hợp đồng tín dụng năm 2020 tại 02 Công ty con để phục vụ hoạt động đầu tư Dự án Điện Mặt trời mái nhà, thời hạn vay 84 tháng từ ngày giải ngân khoản đầu tiên, lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Tổng nợ</u> | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> |
|-----------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 1.508.132.601.247 | 84.678.004.586 | 853.306.956.661 | 570.147.640.000 |
| Trái phiếu thường | - | - | - | - |
| Cộng | 1.508.132.601.247 | 84.678.004.586 | 853.306.956.661 | 570.147.640.000 |
| | - | - | - | - |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 1.542.694.703.146 | 84.502.687.520 | 795.487.015.626 | 662.705.000.000 |
| Trái phiếu thường | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 | - | - |
| Cộng | 1.742.694.703.146 | 284.502.687.520 | 795.487.015.626 | 662.705.000.000 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---|--------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|--------------------------|
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thăng Long | 1.089.455.000.000 | 4.830.000.000 | (241.500.000) | (50.064.890.000) | 1.043.978.610.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long | 265.170.429.904 | - | - | - | 265.170.429.904 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long | 95.622.912.539 | 13.035.113.981 | - | - | 108.658.026.520 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quận 5 | 7.943.673.183 | - | (30.900.492) | (2.265.242.454) | 5.647.530.237 |
| Cộng | 1.458.192.015.626 | 17.865.113.981 | (272.400.492) | (52.330.132.454) | 1.423.454.596.661 |

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------|-----------------------|---------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 9.584.171.883 | 4.122.560.603 | (1.999.820.000) | 11.706.912.486 |
| Quỹ phúc lợi | 9.057.379.908 | 2.273.684.778 | (771.260.970) | 10.559.803.716 |
| Cộng | 18.641.551.791 | 6.396.245.381 | (2.771.080.970) | 22.266.716.202 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|--|------------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm trước | 629.995.540.000 | (19.423.475.878) | 46.985.564.994 | 1.015.425.738.156 | 533.827.403.275 | 2.206.810.770.547 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | 87.432.925.288 | 49.744.414.031 | 137.177.339.319 |
| Trích quỹ Khen thưởng | - | - | - | (2.941.512.158) | (1.314.555.562) | (4.256.067.720) |
| Chia cổ tức | - | - | - | (62.999.554.000) | (32.513.400.000) | (95.512.954.000) |
| Số dư cuối kỳ trước | 629.995.540.000 | (19.423.475.878) | 46.985.564.994 | 1.036.917.597.286 | 549.743.861.744 | 2.244.219.088.146 |
| Số dư đầu năm nay | 629.995.540.000 | (19.423.475.878) | 46.985.564.994 | 1.152.528.151.883 | 539.780.091.331 | 2.349.865.872.330 |
| Tăng vốn trong kỳ | - | - | - | - | 81.000.000.000 | 81.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | 106.219.535.694 | 43.899.291.395 | 150.118.827.089 |
| Bù đắp thặng dư từ lợi nhuận năm trước | - | 37.155.555.556 | - | (37.155.555.556) | - | - |
| Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (4.669.703.580) | (1.726.541.801) | (6.396.245.381) |
| Chia cổ tức | - | - | - | (62.999.554.000) | (27.864.200.000) | (90.863.754.000) |
| Số dư cuối kỳ này | 629.995.540.000 | 17.732.079.678 | 46.985.564.994 | 1.153.922.874.441 | 635.088.640.925 | 2.483.724.700.038 |

20b. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 62.999.554 | 62.999.554 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 62.999.554 | 62.999.554 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 62.999.554 | 62.999.554 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2024 như sau:

| | VND |
|---|------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền (10%) | : 62.999.554.000 |
| • Trích quỹ Khen thưởng | : 1.000.000.000 |

Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 1 đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 08/NQ-ĐP1-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 như sau:

| | VND |
|---|-----------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền (15%) (đã tạm ứng trong năm 2023) | : 4.500.000.000 |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu (20%) | : 6.000.000.000 |
| • Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi | : 1.420.449.642 |

Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 2 đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 như sau:

| | VND |
|---|-----------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền (15%) (đã tạm ứng trong năm 2023) | : 4.500.000.000 |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu (20%) | : 6.000.000.000 |
| • Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi | : 1.126.919.914 |

Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sông Bung đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-SB-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 3 năm 2024 như sau:

| | VND |
|---|------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền (40%) (trong đó đã tạm ứng trong năm 2023 là 30%) | : 76.000.000.000 |
| • Trích quỹ Khen thưởng | : 848.875.825 |

Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2024 như sau:

| | VND |
|---|-------------------|
| • Chi bổ sung cổ tức năm 2023 cho các cổ đông bằng tiền (20%) (trong đó đã tạm ứng trong năm 2023 là 10%) | : 112.400.000.000 |
| • Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi | : 2.000.000.000 |

Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 như sau:

| | VND |
|--|-------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu (200%) | : 342.000.000.000 |
| • Bù đắp thặng dư vốn cổ phần bị âm | : 41.800.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 1.111.355.114.650 | 828.086.744.820 |
| Doanh thu bán điện thương phẩm | 254.384.735.336 | 296.419.034.986 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 19.716.525.873 | 4.922.163.391 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | (248.144.531) | 26.189.574.457 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 799.489.879 | 3.627.755.455 |
| Cộng | 1.386.007.721.207 | 1.159.245.273.109 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn hợp đồng xây dựng | 1.032.127.630.532 | 789.345.417.422 |
| Giá vốn bán điện thương phẩm | 79.985.611.906 | 77.893.882.069 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 13.197.267.546 | 7.519.633.634 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản | 6.577.689.894 | 9.381.020.498 |
| Giá vốn bán hàng hóa | 795.919.914 | 3.624.027.489 |
| Cộng | 1.132.684.119.792 | 887.763.981.112 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 9.801.810.901 | 16.135.930.326 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 277.510.088 | 583.590.965 |
| Lãi tiền cho vay | - | 1.644.624.657 |
| Doanh thu tài chính khác | 815.915 | 201.025 |
| Cộng | 10.080.136.904 | 18.364.346.973 |

4. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 56.151.234.993 | 100.116.872.597 |
| Chi phí mượn tài sản mang đi thế chấp | 138.162.280 | 257.384.975 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 2.795.380 | 6.175.285 |
| Chi phí tài chính khác | 163.151.037 | - |
| Cộng | 56.455.343.690 | 100.380.432.857 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 546.459.700 | 51.650.001 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | - | 26.913.637 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 3.400.002 | 75.231.993 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | 159.209.838 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 104.711.820 | 9.079.498.552 |
| Các chi phí khác | 430.886.374 | 66.952.521 |
| Cộng | 1.085.457.896 | 9.459.456.542 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 26.661.744.909 | 22.461.764.011 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 1.084.466.579 | 437.406.713 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.052.716.733 | 975.176.881 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.090.492.002 | 2.175.565.186 |
| Thuế, phí và lệ phí | 128.129.575 | 226.631.741 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.111.531.941 | 6.910.850.064 |
| Các chi phí khác | 2.346.923.260 | 2.854.680.434 |
| Cộng | 42.476.004.999 | 36.042.075.030 |

7. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 916.669 | 109.090.909 |
| Thu nhập khác | 3.048.929.687 | 50.809.017 |
| Cộng | 3.049.846.356 | 159.899.926 |

8. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí ủng hộ, tài trợ | 1.250.000.000 | - |
| Chi phí khác | 355.319.970 | 645.882.392 |
| Cộng | 1.605.319.970 | 645.882.392 |

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 106.219.535.694 | 87.432.925.288 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty mẹ | - | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 106.219.535.694 | 87.432.925.288 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 62.999.554 | 62.999.554 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 1.686 | 1.388 |

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 688.071.246.572 | 581.650.302.346 |
| Chi phí nhân công | 93.920.663.559 | 78.768.843.953 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 72.146.081.818 | 70.794.107.815 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 419.005.324.763 | 277.957.329.475 |
| Chi phí khác | 15.239.383.024 | 15.971.317.474 |
| Cộng | 1.288.382.699.736 | 1.025.141.901.063 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------|-----------------------------------|-------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Khấu hao vốn hóa | 604.876.680 | 378.582.104 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chi phát sinh các giao dịch sau với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Phí mượn tài sản đảm bảo: | | |
| - Ông Lương Minh Tuấn | 22.418.910 | 130.598.195 |
| - Ông Phạm Kim Châu | 58.638.904 | 58.316.712 |
| - Bà Lương Thị Lan – Bên liên quan của Hội đồng quản trị | 19.591.678 | 19.484.030 |

Cam kết bảo lãnh

Ông Lương Minh Tuấn và ông Phạm Kim Châu dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 7.741.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Tiền lương</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Thưởng</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|--|----------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| Kỳ này | | | | |
| Ông Lương Minh Tuấn - Chủ tịch | - | 871.560.000 | 1.500.000 | 873.060.000 |
| Ông Phạm Kim Châu - Phó Chủ tịch/Phó TGD | 413.040.000 | 270.000.000 | 1.500.000 | 684.540.000 |
| Ông Trần Anh Tuấn - Thành viên HĐQT/TGD | 632.780.000 | 252.000.000 | 1.500.000 | 886.280.000 |
| Ông Đặng Hoàng Huy - Thành viên HĐQT/ Thành viên UBKT | - | 150.000.000 | - | 150.000.000 |
| Ông Đỗ Xuân Diện - Thành viên HĐQT/ Chủ tịch UBKT | - | 372.000.000 | - | 372.000.000 |
| Bà Lê Thị Thu Trang - Thành viên HĐQT | - | 300.000.000 | - | 300.000.000 |
| Ông Hoàng Gia Chiêu - Phó Tổng Giám đốc | 502.660.000 | - | 1.500.000 | 504.160.000 |
| Ông Ngô Đức Tình - Phó Tổng Giám đốc | 184.670.000 | - | - | 184.670.000 |
| Ông Phạm Quang Bình - Phó Tổng Giám đốc | 500.260.000 | - | 1.500.000 | 501.760.000 |
| Ông Đinh Gia Nội - Phó Tổng Giám | 700.358.145 | 60.000.000 | 1.500.000 | 761.858.145 |
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Doan - Giám đốc kinh doanh BĐS | 664.660.000 | 18.000.000 | 1.500.000 | 684.160.000 |
| Bà Lã Thị Minh Loan - Giám đốc Tài chính | 458.620.000 | 9.000.000 | 1.500.000 | 469.120.000 |
| Bà Đỗ Thị Thu - Kế toán trưởng | 382.640.000 | 66.000.000 | 1.500.000 | 450.140.000 |
| Cộng | 4.439.688.145 | 2.368.560.000 | 13.500.000 | 6.821.748.145 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Tiền lương</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Thưởng</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|---|----------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| Kỳ trước | | | | |
| Hội đồng quản trị; Ban điều hành, quản lý | | | | |
| Ông Lương Minh Tuấn - Chủ tịch HĐQT | - | 913.560.000 | 1.500.000 | 915.060.000 |
| Ông Phạm Kim Châu - Phó Chủ tịch/Phó TGĐ | 515.660.000 | 282.000.000 | 1.500.000 | 799.160.000 |
| Ông Trần Anh Tuấn - Thành viên HĐQT/TGĐ | 587.660.000 | 252.000.000 | 1.500.000 | 841.160.000 |
| Ông Đặng Hoàng Huy - Thành viên HĐQT | - | 150.000.000 | - | 150.000.000 |
| Ông Đỗ Xuân Diện - Thành viên HĐQT | - | 360.000.000 | - | 360.000.000 |
| Bà Lê Thị Thu Trang - Thành viên HĐQT | - | 494.000.000 | - | 494.000.000 |
| Ông Hoàng Gia Chiêu - Phó Tổng Giám đốc | 452.060.000 | - | 1.500.000 | 453.560.000 |
| Ông Ngô Đức Tình - Phó Tổng Giám đốc | 184.670.000 | - | 1.500.000 | 186.170.000 |
| Ông Phạm Quang Bình - Phó Tổng Giám đốc | 450.760.000 | - | 1.500.000 | 452.260.000 |
| Ông Đinh Gia Nội - Phó Tổng Giám đốc | 693.102.803 | 60.000.000 | 3.000.000 | 756.102.803 |
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Doan - Giám đốc Kinh doanh Bất động sản | 649.345.000 | 29.766.667 | 1.500.000 | 680.611.667 |
| Bà Lã Thị Minh Loan - Giám đốc Tài chính | 459.015.000 | 26.118.280 | 1.500.000 | 486.633.280 |
| Bà Đỗ Thị Thu - Kế toán trưởng | 384.062.000 | 68.548.387 | 1.500.000 | 454.110.387 |
| Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát | | | | |
| Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Trưởng BKS đến ngày 28/4/2023; Trưởng Ban KTNB từ ngày 28/4/2023 | 99.420.000 | 314.065.681 | 1.500.000 | 414.985.681 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thành viên BKS đến ngày 28/4/2023; Thành viên KTNB từ ngày 28/4/2023 | 161.300.000 | 20.000.000 | 1.500.000 | 182.800.000 |
| Ông Lê Văn Quyết - Thành viên BKS đến ngày 28/4/2023 | 92.200.000 | 34.000.000 | 1.500.000 | 127.700.000 |
| Cộng | 4.729.254.803 | 3.004.059.015 | 21.000.000 | 7.754.313.818 |

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm Tập đoàn cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực sản xuất điện
- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ
- Lĩnh vực đầu tư Bất động sản

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | <u>Lĩnh vực xây lắp</u> | <u>Lĩnh vực sản xuất điện</u> | <u>Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, sản xuất</u> | <u>Lĩnh vực đầu tư Bất động sản</u> | <u>Cộng</u> |
|--|--------------------------|-------------------------------|---|-------------------------------------|--------------------------|
| Kỳ này | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.089.903.728.081 | 254.384.735.336 | 41.967.402.321 | (248.144.531) | 1.386.007.721.207 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.089.903.728.081 | 254.384.735.336 | 41.967.402.321 | (248.144.531) | 1.386.007.721.207 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lĩnh vực xây lắp | Lĩnh vực sản xuất điện | Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, sản xuất | Lĩnh vực đầu tư Bất động sản | Cộng |
|---|------------------------|------------------------|--|------------------------------|--------------------------|
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 76.650.113.447 | 174.399.123.430 | 13.078.315.730 | (10.803.951.192) | 253.323.601.415 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (43.561.462.895) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 209.762.138.520 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 10.080.136.904 |
| Chi phí tài chính | | | | | (56.455.343.690) |
| Thu nhập khác | | | | | 3.049.846.356 |
| Chi phí khác | | | | | (1.605.319.970) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (14.890.752.602) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | 178.121.571 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 150.118.827.089 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 20.932.712.620 | 188.218.982 | | | 21.120.931.602 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 7.819.345.695 | 63.147.113.222 | | 3.328.469.259 | 74.294.928.176 |
| Kỳ trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 828.086.744.820 | 296.419.034.986 | 8.549.918.846 | 26.189.574.457 | 1.159.245.273.109 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 828.086.744.820 | 296.419.034.986 | 8.549.918.846 | 26.189.574.457 | 1.159.245.273.109 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 38.741.327.398 | 218.525.152.917 | (2.593.742.277) | 7.349.097.417 | 262.021.835.455 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (36.042.075.030) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 225.979.760.425 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 18.364.346.973 |
| Chi phí tài chính | | | | | (100.380.432.857) |
| Thu nhập khác | | | | | 159.899.926 |
| Chi phí khác | | | | | (645.882.392) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (6.822.727.354) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | 522.374.598 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 137.177.339.319 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 20.733.779.921 | 2.084.965.602 | | 77.194.917.915 | 100.013.663.438 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 6.874.656.436 | 69.951.612.223 | | - 10.322.445.278 | 87.148.713.937 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Lĩnh vực xây lắp | Lĩnh vực sản xuất điện | Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, sản xuất | Lĩnh vực đầu tư Bất động sản | Cộng |
|--|-------------------|------------------------|--|------------------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 1.625.430.990.791 | 2.303.975.732.222 | 301.687.627.255 | 1.483.762.104.421 | 5.714.856.454.689 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 430.149.450.525 |
| Tổng tài sản | | | | | 6.145.005.905.214 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 2.008.404.613.721 | 1.131.970.133.275 | 148.503.710 | 393.427.716.748 | 3.533.950.967.454 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 127.330.237.722 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 3.661.281.205.176 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 2.608.587.877.217 | 2.465.860.958.083 | - | 1.560.171.405.665 | 6.634.620.240.965 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 54.830.680.760 |
| Tổng tài sản | | | | | 6.689.450.921.725 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 2.704.702.616.572 | 1.230.042.433.879 | - | 404.839.998.944 | 4.339.585.049.395 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | - |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 4.339.585.049.395 |

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2024



Lê Thị Hà

Đỗ Thị Thu

Trần Anh Tuấn